

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-PT

Ngày 24-4-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất;
yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;
Ông Vi Đức Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/4/2000 và ngày 24/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02a, ngày 10/01/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐ-PT, ngày 10/02/2020; Thông báo chuyển thời gian xét xử vụ án dân sự số 03/TB-TA, ngày 17/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐ-PT, ngày 05/3/2020; Thông báo thời gian xét xử số 26/TB-TA, ngày 13/3/2020; Thông báo thời gian xét xử vụ án dân sự số 46/TB-TA, ngày 31/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954; địa chỉ: Số ..., Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bế Quang H - Luật sư Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số ..., đường C, khối ..., phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Bà Lành Thị B, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Văn Đ - Luật sư Văn phòng Luật sư N - H, đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số ..., đường H, thành phố L; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1958; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Gi sinh năm 1963; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng.

3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, có mặt; chị Nguyễn Thị T, sinh năm 19876, chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978, vắng mặt; chị Lương Thị V, sinh năm 1974, vắng mặt.

Bà S, anh T, chị T, chị N, chị V; cùng địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn T, chị Lương Thị V, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị N: Bà Lành Thị B là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2019); có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số ..., đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số ..., đường L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961; địa chỉ: Số ..., đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Việt H, anh Nguyễn Hoàng H; cùng địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Ông Lộc Đình B, anh Lộc Văn Đ; cùng địa chỉ: Số ..., Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Lộc Đình B: Bà Nguyễn Thị B là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 4 năm 2019); có mặt.

11. Chị Lộc Thị Hoài P; địa chỉ: Ngõ .., khối V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937; vắng mặt.

3. Ông Nông Văn P, sinh năm 1952; vắng mặt.

4. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962; có mặt.

5. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962; có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

7. Ông Vy Văn K, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Năm 1959 theo chủ trương chung của nhà nước các gia đình đóng góp đất vào Hợp tác xã (viết tắt là HTX), cùng năm HTX chia đất 5% cho các xã viên để làm kinh tế gia đình, trong đó hộ gia đình bà Nguyễn Thị B gồm mẹ là Hoàng Thị P, bà nội là Hà Thị T, bà Nguyễn Thị B và hai em là Nguyễn Việt H, Nguyễn Thị H mỗi nhân khẩu được HTX chia 04 thước bắc bộ, mỗi thước là 24m², tổng diện tích là 480m² có nhân chứng là ông Nông Văn P, bà Nguyễn Thị T và kết luận của Thanh tra ngày 06/9/1990 khẳng định mỗi nhân khẩu được 04 thước, vị trí đất 5% được chia thuộc thửa 235, tờ số 76, bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2001. Ngoài diện tích 480m², do bố bà Nguyễn Thị B là ông Nguyễn Việt B là thương binh hạng 3/4 nên năm 1961 ông Nguyễn Việt B xin thêm HTX đất để làm nhà và tăng gia, diện tích xin thêm như thế nào bà Nguyễn Thị B không rõ. Bà được biết là do ông Nguyễn Việt B và ông Nguyễn Văn D nói lại. Năm 1989 ông Nguyễn Việt B đã đăng ký, kê khai và có tên trong sổ đăng ký ruộng đất tại Ủy ban nhân dân xã H (viết tắt là UBND) đối với thửa đất đang tranh chấp hiện nay, gia đình bà Nguyễn Thị B đã quản lý sử dụng ổn định từ năm 1959 đến năm 1989 bà Nông Thị D (mẹ ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn Gi) và bà Lành Thị B đặt vấn đề bằng mồm với ông Nguyễn Việt B về việc lấy lại đất 5%, để quản lý, sử dụng nhưng ông Nguyễn Việt B không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Năm 1990 UBND xã H ban hành giấy mời hai bên đến để giải quyết tranh chấp nên bà Nguyễn Thị B xác định đất tranh chấp phát sinh từ năm 1990. Đối với biên bản họp Đội ..., C năm 1989, không có giá trị vì không có chữ ký của các gia đình tranh chấp, không có chữ ký của các xã viên hợp tác xã C. Theo bản kiến nghị giải quyết của cán bộ thanh tra ruộng đất ông Phan Anh D thuộc Phòng Nông lâm T, thị xã L ngày 06/9/1990 có nội dung kiến nghị cho gia đình bà Nguyễn Thị B sử dụng 825m² đất. Năm 1991, UBND xã H ra thông báo số 01 ngày 15/4/1991 về việc đề nghị hai bên gia đình không tranh chấp và Ủy ban sẽ ra quyết định thu hồi vì đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của UBND xã H nhưng sau đó không thấy có quyết định thu hồi. Hai bên vẫn tranh chấp, gia đình bị đơn chặt phá cây cối, năm 1994 bị xét xử vụ án hình sự hủy hoại tài sản. Ngày 15/4/1994 UBND thị xã L ra Thông báo số 231 kết luận cuộc họp giải quyết tranh chấp đất với nội

dung các gia đình nên thỏa thuận về việc tranh chấp nhưng ông Nguyễn Việt B không đồng ý. Từ năm 1994 đến năm 2005 thì bà Lành Thị B quản lý và sử dụng đất tranh chấp và làm 01 ngôi nhà cấp 4, xây tường rào phía Nam của đất tranh chấp. Năm 2002 ông Nguyễn Việt H (em trai bà Nguyễn Thị B) xây tường rào bịt đường đi vào nhà bà Lành Thị B, khi đó UBND thành phố xuống cưỡng chế, hai chị em bà đã khiếu nại và sau đó hai chị em bà lại xây tường bịt đường vào. Năm 2005, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 30/8/2005 về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị B với ông Nguyễn Văn Gi, Nguyễn Văn H nhưng bà không nhất trí, tiếp tục khiếu nại và đến ngày 22/12/2011 UBND thành phố L ban hành Quyết định 3755/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 30/8/2005. Năm 2007, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn với nội dung việc tranh chấp giữa các hộ gia đình là không có căn cứ pháp lý, hướng giải quyết nên để các bên gia đình hòa giải. *Căn cứ khoản 2 Điều 2 Quyết định số 13-HĐBT ngày 01/02/1989 về việc "ruộng đất đã giao cho thương binh thì tiếp tục sử dụng, chủ cũ không được đòi lại". Căn cứ điểm c khoản 1, điểm 0 khoản 2 Điều 4 nghị Định 181/CP ngày 29/10/2004 hướng dẫn thi hành luật đất đai 2003 về việc Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo các chính sách ruộng đất trước ngày 15/10/1993 trong trường hợp đất đã góp vào HTX nông nghiệp theo quy định của Điều lệ HTX nông nghiệp bậc cao.*

Vì vậy, bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 235 tờ bản đồ số 76, bản đồ địa chính xã H đo vẽ năm 2001, yêu cầu bà Lành Thị B phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, công trình xây dựng, cây trồng trên đất đi nơi khác.

Bị đơn bà Lành Thị B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lành Thị B trình bày: Họ Nguyễn gồm hai Chi, Chi trên ông Nguyễn Thịnh M có con là ông Nguyễn Văn L, chết năm 1945; ông Nguyễn Việt B, (chết năm 1999) là bố bà Nguyễn Thị B; ông Nguyễn Văn D (chết năm 2007) được chia 4 sào 12 thước đất tương ứng 1.728m². Chi dưới ông Nguyễn Việt L có con là ông Nguyễn Văn Đ (vợ là Đoàn Thị H), con dâu là Lành Thị B, ông Nguyễn Long S (chết năm 1994) là bố của ông Nguyễn Văn Gi và ông Nguyễn Văn A được chia 05 sào đất tương ứng 1.800m², toàn bộ đất của hai Chi đều ở khu vườn Háng Moóc, thôn C, xã H, thành phố L. Năm 1959 cả hai Chi đều góp đất vào HTX và được HTX chia đất 5% cho các hộ gia đình quản lý, sử dụng. Đất vườn của Chi trên được chia cho 05 hộ gia đình là gia đình: Hộ ông Nguyễn Long S (5 nhân khẩu), ông Nguyễn Văn D (6 nhân khẩu), ông Nguyễn Việt B (5 nhân khẩu), bà Đoàn Thị H (3 nhân khẩu), bà K (1 nhân khẩu); tổng cộng 20 nhân khẩu, mỗi khẩu được chia 03 thước, tổng diện tích là 1.440m². Số đất còn lại của Chi trên 288m² cộng với số đất của Chi dưới 05 sào (1800m²) được chia cho một số hộ gia đình khác nhưng họ không nhận, vì đất được chia giáp nhà ông Nguyễn Việt B, gà, vịt hay phá hoa màu nên các hộ gia đình không nhận. Do đó, HTX vẫn quản lý và trồng mía được 01, 02 vụ, do trồng không hiệu quả nên đất bỏ không.

Năm 1962 gia đình ông Nguyễn Việt B đã lần chiếm sử dụng và xây nhà và trồng cây lưu niên trên đất. Năm 1985 gia đình bà Nguyễn Thị B đã xây nhà cấp 4 trên diện tích đất của HTX giao. Đối với HTX sau khi làm ăn không hiệu quả đã tự giải thể năm 1990 các hộ gia đình có đất góp vào HTX đã tự lấy lại đất để quản lý, sử dụng, gia đình ông Nguyễn Việt B, ông Nguyễn Văn D đã lấy lại diện tích đất trước đây góp vào HTX được chia cho ông Nguyễn Long S và gia đình nhà chồng bà Lành Thị B sử dụng làm đất 5%; gia đình ông Hoàng Văn L lấy lại đất vườn HTX chia cho ông Nguyễn Văn D làm đất 5%. Riêng đối với gia đình ông Nguyễn Việt B không đồng ý trả lại đất cho gia đình bà Lành Thị B nên đã phát sinh tranh chấp. Ngày 21/7/1989, Hợp tác xã Đội 1, C, tổ chức họp xã viên để giải quyết tranh chấp nhưng các bên không thỏa thuận được, sau đó các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhiều lần nhưng không được và vụ việc kéo dài cho đến nay.

Hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình bà được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, buộc gia đình bà Lành Thị B phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản cây trồng trên đất đi nơi khác cho gia đình bà quản lý, sử dụng. Bị đơn bà Lành Thị B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, công nhận quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 640,5m² cùng các tài sản trên đất theo kết quả đo đạc thực địa ngày 21/5/2019 cho gia đình bà Lành Thị B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Gi nhất trí với ý kiến trình bày của bị đơn bà Lành Thị B, đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp 640,5m² và các tài sản trên đất cho gia đình bà Lành Thị B; bà Nguyễn Thị S là chị chồng của bà Lành Thị B cho biết bà đã đi lấy chồng nên xác định không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến đất tranh chấp nên bà từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị V là con gái ông Nguyễn Việt B từ chối tham gia tố tụng, vì xác định không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp; anh Nguyễn Việt H, anh Nguyễn Hoàng H trình bày các anh là con trai của ông Nguyễn Việt H (là em ruột bà Nguyễn Thị B), xác định đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị B và bà Lành Thị B có vị trí tiếp giáp với đất ông Nguyễn Việt H đang quản lý sử dụng và không có tranh chấp nên từ chối tham gia tố tụng.

Người làm chứng: Ông Trần Văn Đ, ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nông Văn P khai trước đây các ông bà đều là xã viên HTX. Năm 1959 thành lập HTX Đội 1 C, xã H, các hộ dân đều góp đất vào HTX và được chia đất 5%. Năm 1989 xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Nguyễn Việt B với gia đình chồng bà Lành Thị B thôn C đã tổ chức cuộc họp giải quyết đất tranh chấp giữa gia đình ông Nguyễn Việt B, Nguyễn Long S, Nguyễn Văn T, tại cuộc họp mọi người đều thừa nhận đất đang tranh chấp là do bà Đoàn Thị H (mẹ chồng bà Lành Thị B) đóng góp vào HTX, năm 1990 HTX tự tan rã, các hộ lấy lại đất trước đây đã góp vào HTX, đối với gia đình ông Nguyễn Việt B không trả lại đất cho gia đình bà Lành Thị B nên mới xảy ra tranh chấp; bà

Nguyễn Thị Th khai bà tham gia Ban quản trị HTX từ khi thành lập HTX, đất tranh chấp là của gia đình chồng bà Lành Thị B góp vào HTX năm 1959. Năm 1990 HTX tan rã, đất của ai góp vào HTX thì người đó lấy lại để sử dụng; ông Hoàng Th khai ông là Chủ nhiệm HTX L, xã H từ năm 1960-1967, năm 1967 hợp nhất hợp tác xã đổi tên thành HTX H ông tiếp tục làm Chủ nhiệm HTX hợp nhất và hoạt động đến năm 1990 HTX tan rã; năm 1994 HTX Đội 1 C và HTX L tan rã. Sau khi tan HTX các gia đình lấy lại đất đã góp vào HTX trước đây để quản lý, sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B do bà Nguyễn Thị B tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 320,25m² và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất đã rút thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 76 xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giáp với phần đất ông Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Gi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với diện tích 320,25m², thuộc thửa đất 235, tờ bản đồ số 76 bản đồ địa chính xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu cầu di dời tài sản trên đất tranh chấp, vị trí thửa đất có các phía tiếp giáp: Phía nam giáp phía nhà cũ của bà Nguyễn Thị B, phía đông giáp với nhà ông Phan Văn K (gần đường quốc lộ 1A mới), phía tây giáp nhà ông Nguyễn Hoàng H, phía bắc giáp với đất bà Lành Thị B.

Bà Lành Thị B được quyền quản lý, sử dụng diện tích 640,5 m² và tài sản là công trình trên đất, cây cối hoa màu trên đất gồm bức tường cũ đoạn I dài 11,5m, đoạn II dài 4,5m; bức tường mới có diện tích 132,2m²; 01 căn nhà cấp 4, 01 chuồng lợn không mái, 03 cây hoa Hòe, 01 cây đu đủ, 01 cây đào và cây hoa màu là ngô, khoai lang được ký hiệu ABCDEFGHI có chiều dài các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa số 234 do ông Nguyễn Văn Gi và thửa số 221 do ông Nguyễn Văn A đang quản lý, sử dụng có cạnh dài 13,70m+22,28m; phía Nam giáp một phần đất còn lại của thửa số 235 do bà Nguyễn Thị B đang quản lý, sử dụng có cạnh dài 16,17m + 5,21m + 1,41m + 4,56m + 1,08m + 12,13m + 8,51m; phía Đông giáp thửa đất số 218 và một phần thửa số 518 do ông Phan Văn K đang quản lý, sử dụng có cạnh dài 4,31m+10,92m+0,25m; phía Tây giáp thửa đất số 263 của anh Nguyễn Hoàng H đang quản lý, sử dụng có cạnh dài 0,23m+14,57m.

Có sơ họa thửa đất theo mảnh trích đo số 36-2019 hệ tọa độ VN2000, thôn C-tờ số 76 (421472-3-a) ngày 10/7/2019 kèm theo.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 bà Nguyễn Thị B kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết cho bà được quản lý, sử dụng 320,25m² thuộc một phần thửa 235, tờ bản đồ 76, bản đồ địa chính xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu bà Lành Thị B di dời các tài sản trên diện tích đất 320,25m².

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu được quản lý, sử dụng 1/3 diện tích đất tranh chấp và mở một lối đi chung vào thửa đất tranh chấp.

Bị đơn bà Lành Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị B kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, làm rõ tại phiên tòa, diện tích đất tranh chấp 320,25m² thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 76 xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2001, theo bản đồ năm 1989 thuộc một phần thửa số 68, 69, 70 tờ bản đồ số 13. Nguồn gốc của bà Đoàn Thị H (mẹ chồng bà Lành Thị B) đóng góp vào Hợp tác xã, sau đó ông Nguyễn Việt B quản lý, sử dụng từ năm 1962 đến năm 1989 thì phát sinh tranh chấp. Năm 1989 và 1991 ông Nguyễn Văn Th (chồng bà Lành Thị B) và ông Nguyễn Long S cùng các con, cháu tổ chức chặt phá các cây ăn quả do gia đình ông B trồng, tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/HS-ST ngày 09/9/1994 của Tòa án nhân dân thị xã Lạng Sơn và bản án hình sự phúc thẩm số 53/HS-PT ngày 29/11/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định xử lý hình sự đối với ông Th, ông S và một số người khác về hành vi cố ý hủy hoại tài sản của công dân, buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và liên đới bồi thường cho ông B giá trị số cây ăn quả bị chặt phá. Như vậy, bản án hình sự nêu trên đã xác lập quyền sở hữu về tài sản trên đất của ông B, điều đó cho thấy thực tế gia đình ông B có quá trình quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu làm rõ vị trí nào của thửa 235 có tài sản là các cây ăn quả của ông B bị chặt phá năm 1989, 1991 để xác định ông B có quá trình quản lý, sử dụng trồng cây trên đất, đã quyết định giao cho bà Lành Thị B quản lý

toàn bộ diện tích đất tranh chấp là chưa đảm bảo. Tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu quản lý, sử dụng 1/2 diện tích đất tranh chấp là 320,25m² nhưng tại mảnh trích đo địa chính số 36-2019 kèm theo bản án sơ thẩm chưa xác định cụ thể vị trí nào bà Nguyễn Thị B rút, vị trí nào bà Nguyễn Thị B yêu cầu quản lý, sử dụng là chưa đảm bảo, gây khó khăn cho công tác thi hành án. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 320,25m², bản án sơ thẩm đã đình chỉ, tuy nhiên tại mục 2 phần quyết định bản án sơ thẩm tuyên bà Lành Thị B được quản lý, sử dụng diện tích 640,5m² là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Với những vi phạm nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 BLTTDS xử hủy bản án sơ thẩm để xem xét giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B viết đề ngày 30/10/2019 trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều có bản tự khai, biên bản lấy lời khai hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia tố tụng. Theo quy định tại Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của những người này.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị B Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa, thể hiện: Đất tranh chấp thuộc thửa số 235, tờ bản đồ số 76, bản đồ địa chính xã H, thành phố L đo vẽ năm 2001; theo bản đồ đo đạc năm 1989 thuộc thửa số 68, tờ bản đồ 13. Đất có nguồn gốc là đất ông cha của gia đình cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Hoàng Thị Th quản lý, sử dụng sau đó đến đời con, cháu của các cụ tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1959 các hộ gia đình góp đất vào HTX để làm ăn tập thể. Tại thời điểm HTX chia đất 5% gia đình ông Nguyễn Việt B khi đó có 05 nhân khẩu (gồm mẹ, vợ và 03 con của ông Nguyễn Việt B, ông Nguyễn Việt B không được chia vì thời điểm đó đang là cán bộ thoát ly), mỗi nhân khẩu được 3-4 thước (tổng diện tích đất 5% nhà ông Nguyễn Việt B được sử dụng 360-480m²). Số diện tích đất của gia đình bà Lành Thị B góp vào HTX được chia cho một số hộ gia đình khác nhưng họ không nhận vì đất được chia gần nhà ông Nguyễn Việt B bị gà, vịt phá nên HTX quản lý, sử dụng để trồng mía, trồng được 1, 2 vụ, do trồng mía không hiệu quả HTX đã bỏ không, gia đình ông Nguyễn Việt B đã lấn chiếm để sử dụng từ đó đến năm 1989 thì xảy ra tranh chấp. Trong thời gian sử dụng gia đình ông Nguyễn Việt B được ghi tên trong sổ đăng ký ruộng đất xã H lập ngày 25/10/1989. Giai đoạn từ khi thành lập HTX 1959 đến năm 1989 là thời kỳ HTX còn tồn tại, việc gia đình ông Nguyễn Việt B được chia đất 5% để sử dụng, một phần do HTX quản lý

lông nẻo, làm ăn không hiệu quả nên bỏ không nên đã bị gia đình ông Nguyễn Việt B lấn chiếm để sử dụng. Do vậy, xác định Chủ thể quản lý trong giai đoạn này là HTX Đ, không phải là của cá nhân hộ gia đình ông Nguyễn Việt B quản lý, sử dụng.

[4] Năm 1990 HTX tan giải thể, các hộ gia đình có đất đóng góp vào HTX, đã tự lấy lại đất để quản lý, sử dụng. Riêng đối với gia đình ông Nguyễn Việt B không trả lại đất cho gia đình bà Lành Thị B đã góp vào HTX nên đã xảy ra tranh chấp. Năm 1989 và 1991 ông Nguyễn Văn Th (chồng bà Lành Thị B) và ông Nguyễn Long S cùng các con, cháu tổ chức chặt phá các cây ăn quả của gia đình ông Nguyễn Việt B trồng trên diện tích đất tranh chấp để đòi lại đất quản lý, sử dụng. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/HS-ST ngày 09/9/1994 của Tòa án nhân dân thị xã Lạng Sơn và Bản án hình sự phúc thẩm số 53/HS-PT ngày 29/11/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định xử lý hình sự đối với ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Long S và một số người khác về hành vi cố ý hủy hoại tài sản của công dân, buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Việt B giá trị số cây ăn quả bị chặt phá. Do vậy, Bản án hình sự xác định quyền sở hữu tài sản trên đất tranh chấp là của gia đình ông Nguyễn Việt B. Đối đất tranh chấp chưa được cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết dứt điểm, nên vụ việc xảy ra tranh chấp kéo dài từ đó đến nay.

[5] Trên cơ sở phân tích nêu trên thấy có căn cứ để xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Đoàn Thị H đóng góp vào HTX, nhưng do HTX thành lập làm ăn không hiệu quả năm 1990 tự giải thể nên các hộ gia đình có đất đóng góp vào HTX đã lấy lại đất để quản lý, sử dụng trong đó có hộ gia đình nhà chồng bà Lành Thị B nhưng do hộ gia đình ông Nguyễn Việt B không đồng ý trả lại đất cho gia đình bà Lành Thị B nên mới xảy ra tranh chấp kéo dài cho đến nay. Do vậy, bà Lành Thị B yêu cầu được quản lý, sử dụng đất đóng góp vào HTX là có cơ sở để chấp nhận. Việc lấy lại đất để quản lý, sử dụng là do HTX tự giải thể, không còn tồn tại, nên xác định việc lấy lại đất đã đóng góp vào HTX không phải là đòi lại đất cha ông đã giao cho người khác quản lý, sử dụng. Thực tế năm 1994 đến nay gia đình bà Lành Thị B đã lấy lại đất của gia đình ông Nguyễn Việt B để quản lý, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất với Nhà nước. Theo Văn bản số 607/UBND-TNMT ngày 25/3/2019 của UBND thành phố L xác định đất tranh chấp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn. Do vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng 1/2 diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 235, tờ bản đồ số 76, bản đồ địa chính xã H, thành phố L là không có cơ sở để chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm chưa yêu cầu cơ quan đo đạc xác định 1/2 diện tích đất bà Nguyễn Thị B yêu cầu được quản lý, sử dụng được thể hiện được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính có hình thể và tứ cận tiếp giáp như thế nào, tài sản trên đất có những loại tài sản gì, gây khó khăn cho công tác thi hành án. Tại cấp phúc thẩm đã khắc phục yêu cầu cơ quan đo đạc là Công ty cổ phần Trắc địa bản đồ và Môi trường S chi nhánh tại Lạng Sơn lập phụ lục bổ sung, xác định vị

trí, ranh giới, mốc giới, diện tích bà Nguyễn Thị B yêu cầu được quản lý, sử dụng, cụ thể: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 317,1m², giáp ranh với diện tích 126m², thuộc một phần thửa 235 của bà Nguyễn Thị B đang quản lý sử dụng, có các phía tiếp giáp: Phía Nam giáp nhà cũ của bà Nguyễn Thị B; phía Đông giáp nhà ông Phan Văn K (gần đường quốc lộ 1A mới); phía Tây giáp nhà ông Nguyễn Hoàng H; phía Bắc giáp với đất bà Lành Thị B; tài sản trên đất: 02 đoạn bức tường rào cũ và 01 tường rào mới xây dựng được ký hiệu MNCDEFGHI; 01 ngôi nhà cấp bốn; 01 chuồng lợn không mái; 02 cây hoa Hòe, 01 cây đu đủ, 01 cây đào và cây hoa màu là ngô, khoai lang do gia đình bà Lành Thị B trồng. Phần diện tích đất còn lại do bà Nguyễn Thị B rút yêu cầu khởi kiện ký hiệu ABNM = 323,4m², tài sản trên đất có một bức tường rào mới xây dựng bao quanh và 01 cây hoa hòe và các cây hoa màu ngô và khoai lang do gia đình bà Lành Thị B trồng.

[6] Đối với phần diện tích đất 323,4m², bà Nguyễn Thị B tự nguyện rút. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, cấp sơ thẩm giải quyết đình chỉ đối với yêu cầu này của bà Nguyễn Thị B là đúng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại tuyên bà Lành Thị B được quản lý, sử dụng 640,5m² là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cần sửa bản án sơ thẩm tuyên hủy và đình chỉ đối với diện tích 323,4m² do nguyên đơn bà Nguyễn Thị B rút yêu cầu khởi kiện.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B tiếp tục xin rút một phần yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị B được quyền quản lý sử dụng 1/3 diện tích đất tranh chấp và tự nguyện danh cho bà Lành Thị B một lối đi chung vào thửa đất tranh chấp nhưng bị đơn bà Lành Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lành Thị B không đồng ý, nên xét thấy không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viện tham gia phiên tòa không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ số tiền trên theo biên bản giao nhận ngày 14/8/2019.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị B không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí, theo quy định của pháp luật bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3, 5 Điều 308; khoản 2 Điều 309; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST, ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 166; 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đòi được quyền quản lý, sử dụng 317,1m², thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 76, bản đồ địa chính xã Hoàng Đồng; tài sản trên đất, gồm: 02 đoạn bức tường cũ và 01 bức tường mới do gia đình bà Lành Thị B xây dựng; 01 căn nhà cấp 4; 01 chuồng lợn không mái, 02 cây hoa Hòe, 01 cây đu đủ, 01 cây đào và cây hoa màu là ngô, khoai lang được thể hiện trên phụ lục trích đo địa chính MNCDEFGHI kèm theo.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với diện tích đất 323,4m², thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 76, bản đồ địa chính xã H. Tài sản trên đất có một bức tường rào mới MABN xây bao quanh, trên đất có 01 cây hoa hòe và cây hoa màu ngô, khoai lang do gia đình bà Lành Thị B trồng. Thể hiện trên phụ lục trích đo địa chính ABNM kèm theo, do bà Nguyễn Thị B rút yêu cầu khởi kiện.

3. Hủy và đình chỉ một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST, ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đối với diện tích đất 323,4m², thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 76, bản đồ địa chính xã H; tài sản trên đất có một bức tường rào mới xây bao quanh, trên đất có 01 cây hoa hòe và cây hoa màu do gia đình bà Lành Thị B trồng; thể hiện trên phụ lục trích đo địa chính ABNM do bà Nguyễn Thị B rút yêu cầu khởi kiện.

Có sơ họa thửa đất theo mảnh trích đo số 36-2019 hệ tọa độ VN2000, thôn C-tờ số 76 (421472-3-a) ngày 10/7/2019 và phụ lục trích đo địa chính kèm theo.

4. Buộc bà Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi liên quan đến phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị B phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 317,1m² nêu trên đối với gia đình bà Lành Thị B.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; xác nhận bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ số tiền trên.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2012/03035 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

7. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh LS.
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm

